

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2021
của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021
của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người
lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số biện pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP*) và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*) trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

I. Mục đích- Yêu cầu

1. Triển khai có hiệu quả việc hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 gây ra; góp phần phục hồi, ổn định sản xuất, kinh doanh; giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch; đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 68 và Quyết định số 23; xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

3. Có sự tham gia, giám sát, phối hợp chặt chẽ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; tăng cường trách nhiệm của chính quyền cơ sở, doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

4. Có phương thức hỗ trợ phù hợp, kịp thời, thuận lợi cho đối tượng được hưởng chính sách; đảm bảo thực hiện tốt các quy định về phòng, chống dịch Covid-19.

II. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

2. Xây dựng các tiêu chí, điều kiện thuận lợi để người lao động và người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận chính sách.

3. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách và nguồn lực để thực hiện. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung quy định tại điểm 7, điểm 8 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP) chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

4. Phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành, địa phương, căn cứ vào điều kiện cụ thể để linh hoạt triển khai, đảm bảo mục tiêu, nguyên tắc và kịp thời các chính sách hỗ trợ.

III. Quy trình, đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ

1. Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo khoản 1 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

a. Cơ quan chủ trì thực hiện: Bảo hiểm xã hội.

b. Đối tượng hỗ trợ: người sử dụng lao động được quy định tại Điều 1 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống COVID-19.

c. Mức đóng, thời gian áp dụng mức đóng:

- Bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

- Thời gian áp dụng: 12 tháng, từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022.

d. Đăng ký tham gia, lựa chọn phương thức đóng, quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và sử dụng số tiền có được từ việc giảm đóng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

e. Nội dung thực hiện:

- Hằng tháng cơ quan Bảo hiểm xã hội xác định đơn vị được điều chỉnh mức đóng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, thực hiện điều chỉnh mức đóng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

- Lập Thông báo giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gửi đơn vị theo quy định.

2. Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo khoản 2 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- a. *Cơ quan chủ trì thực hiện:* Bảo hiểm xã hội
b. *Đối tượng hỗ trợ:*

Người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

c. *Điều kiện hỗ trợ; thời gian tạm dừng đóng, quy định về đóng bù; trình tự, thủ tục thực hiện:* Theo quy định tại khoản 2 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

d. *Các bước thực hiện:*

- Bước 1: Đơn vị sử dụng lao động nộp văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg cho cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát.

- Bước 2: cơ quan Bảo hiểm xã hội tiếp nhận hồ sơ đề nghị của đơn vị sử dụng lao động, xem xét và giải quyết, ban hành Quyết định tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất gửi đơn vị. Trường hợp không giải quyết thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Các trường hợp đề nghị tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo khoản 3 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

a. *Cơ quan chủ trì thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b. *Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:* Theo quy định tại khoản 3 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 9 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c. *Mức, thời gian hỗ trợ và phương thức chi trả (theo Điều 10 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg):*

- Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ.

Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản này thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.

- Thời gian hỗ trợ: Tối đa 06 tháng.

- Phương thức chi trả: Chi trả trực tiếp cho người sử dụng lao động theo phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được phê duyệt.

d. Quy trình, hồ sơ bắt đầu lớp/khóa đào tạo

- Bước 1:

+ Người sử dụng lao động có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động lập Phụ lục I của Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định khoản 4 Điều 11 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

+ Người sử dụng lao động thực hiện lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Bước 2: Người sử dụng lao động nộp hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 3: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định ban hành Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 04a (quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi bản giấy và bản điện tử theo quy định đến: Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động để thực hiện, cơ sở thực hiện việc đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức lớp/khóa đào tạo. Trường hợp không hỗ trợ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

- Bước 5: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện việc chuyển kinh phí cho cơ sở thực hiện việc đào tạo theo phương án đã được phê duyệt.

Trong thời gian tổ chức khóa đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức lớp/khóa đào tạo thực hiện giám sát, kiểm tra báo cáo bằng văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

e. Quy trình, hồ sơ kết thúc lớp/khóa đào tạo

- Bước 1: Trong 45 ngày kể từ ngày kết thúc việc đào tạo, người sử dụng lao động phải hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí với cơ sở thực hiện việc đào tạo theo thực tế và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 2: Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thu hồi kinh phí đào tạo còn dư (*nếu có*) gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh và người sử dụng lao động để thực hiện hoàn trả kinh phí về Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 04b (quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

4. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo khoản 4, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định tại Điều 13, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c. Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ: 1.855.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày);

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên.

- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

d. Hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

e. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục lập danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đơn vị đang tham gia bảo hiểm xã hội đề nghị xác nhận.

- Bước 2: Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động và gửi lại đơn vị.

- Bước 3: Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục lập hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/QĐ-TTg gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ do đơn vị gửi; thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động (thông qua Sở Lao động-Thương binh và Xã hội). Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Hỗ trợ người lao động ngừng việc theo khoản 5, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

- a. Đơn vị chủ trì thực hiện:* Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:* người lao động ngừng việc theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.
- c. Mức hỗ trợ:*
- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người;
 - Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.
- d. Hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện:* Theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).
- e. Các bước thực hiện:*

- Bước 1: Đơn vị sử dụng lao động lập danh sách người lao động có nhu cầu hỗ trợ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi đơn vị đang tham gia bảo hiểm xã hội đề nghị xác nhận.

- Bước 2: Cơ quan Bảo hiểm xã hội tiếp nhận, xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động và gửi lại đơn vị.

- Bước 3: Đơn vị sử dụng lao động lập hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/QĐ-TTg gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ do đơn vị gửi; thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động (thông qua Sở LĐ-TB&XH). Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo khoản 6 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

- a. Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:* người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.
- c. Mức hỗ trợ:*
- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người;
 - Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em

chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

d. Hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

e. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Người lao động có nhu cầu hỗ trợ nộp hồ sơ tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hòa Bình thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*hoặc các địa điểm tiếp nhận khác của Trung tâm Dịch vụ việc làm*)

- Bước 2: Trung tâm Dịch vụ việc làm Hòa Bình thẩm định, rà soát, tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ, trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 3: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ do Trung tâm Dịch vụ việc làm gửi; thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

7. Hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế theo khoản 7, khoản 8, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg

a. Đơn vị chủ trì thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: đối với các trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà.

- Cơ sở y tế, cơ sở cách ly: đối với các trường hợp F0, F1 đang điều trị, đang cách ly.

b. Đối tượng hỗ trợ: Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

c. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ: theo quy định tại Điều 26 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

d. Hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

e. Các bước thực hiện:

* Đối với các trường hợp F0, F1 đang điều trị hoặc đang cách ly.

- Bước 1: Cơ sở y tế, cơ sở cách ly căn cứ hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg, lập danh sách (*theo mẫu số 08a hoặc 08b kèm theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg*) đối với các trường hợp F0, F1 đang điều trị, đang cách ly, đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

* Đối với các trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ do cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà, gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (theo mẫu số 08a hoặc 08b kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg), tổng hợp, lập danh sách đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi; thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế).

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

- Cơ sở y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Thủ trưởng cơ sở y tế, cơ sở cách ly và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

8. Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch theo khoản 9, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg

8.1. Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật

a. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Viên chức hoạt động nghệ thuật được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghệ nghiệp hạng 4.

- Làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) phải tạm dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

c. Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

d. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

e. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (theo mẫu số 09 tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) từ đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022; tổng hợp và thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

8.2. Hỗ trợ người lao động là hướng dẫn viên du lịch

a. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: người lao động là hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Có thẻ hướng dẫn viên du lịch theo quy định của Luật Du lịch.

- Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa; có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

c. Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

d. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 33 và Điều 34, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

e. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ do người lao động là hướng dẫn viên gửi (theo mẫu số 10 kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022; thẩm định và lập danh sách đề nghị hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

9. Hỗ trợ hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.

- Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

c. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh;

d. Hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Điều 37 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

e. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 11 kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

- Bước 3: Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thẩm định, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các hộ kinh doanh theo quy định.

Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc chi trả theo quy định; tiếp tục rà soát đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện việc chi trả, đảm bảo chi trả đúng chế độ và đúng đối tượng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác trong quá trình tổ chức thực hiện.

10. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại khoản 11, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 38, Điều 39, Điều 40, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

a. Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hòa Bình.

b. Điều kiện vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn giải ngân; hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Chương X Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (trừ các nội dung, nhiệm vụ được ủy quyền).

c. Nội dung thực hiện:

- Đơn vị sử dụng lao động lập Danh sách lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo từng nhóm đối tượng theo Mẫu số 13a, hoặc 13b, hoặc 3c tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội đang tham gia bảo hiểm xã hội đề nghị xác nhận.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội tiếp nhận hồ sơ do người sử dụng lao động gửi (theo mẫu số 13a, 13b, 13c tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg); xem xét, xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động và gửi lại người sử dụng lao động.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hòa Bình (hoặc Phòng giao dịch cấp huyện của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú đối với hộ kinh doanh, cá nhân) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cho vay của người sử dụng lao động. Xem xét phê duyệt cho vay và giải ngân đến người sử dụng lao động theo quy định. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

V. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được bố trí trong dự toán ngân sách địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện cho người sử dụng lao động vay để trả lương cho người lao động trong thời gian ngừng việc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

a) Chủ trì, triển khai hướng dẫn người sử dụng lao động thực hiện các hồ sơ, trình tự, thủ tục và phê duyệt, giải quyết theo thẩm quyền đối với các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 1,2, mục III Kế hoạch này.

b) Triển khai thực hiện và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội huyện, thành phố xác nhận người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp đối với các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3 mục III và xác nhận người lao động có tham gia BHXH bắt buộc đối với các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 4, 5, 6, 10 mục III Kế hoạch này.

c) Ngày 20 hàng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, triển khai hướng dẫn và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3, 6 mục III Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp xác định đối tượng, xây dựng tiêu chí, thủ tục hồ sơ, trình tự thực hiện, mức tiền hỗ trợ các đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác bị

ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nhưng không được hỗ trợ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ theo điều kiện và khả năng ngân sách của tỉnh.

c) Thẩm định, tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị hỗ trợ cho các đối tượng người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và người lao động ngừng việc, các hộ kinh doanh do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập, thẩm định theo quy định tại khoản 4, 5, 9 mục III Kế hoạch này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Ngày 20 hằng tháng tổng hợp chung kết quả, tình hình triển khai, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, triển khai hướng dẫn và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 8, mục III Kế hoạch này.

b) Ngày 20 hằng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Y tế:

a) Chỉ đạo các cơ sở Y tế, cơ sở cách ly lập và thẩm định danh sách đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ; tổng hợp danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện do các cơ sở Y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ tại khoản 7, mục III Kế hoạch này.

b) Ngày 20 hằng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc phân bổ, cân đối ngân sách địa phương để tham mưu

UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Bảo đảm nguồn ngân sách để thực hiện các chính sách theo quy định.

b) Hướng dẫn việc thanh quyết toán ngân sách nhà nước, kinh phí thực hiện hỗ trợ theo quy định.

6. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, đài phát thanh - truyền hình, tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các nội dung về đối tượng, mức hỗ trợ; tuyên truyền để người thụ hưởng sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

7. Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Hòa Bình:

a) Chủ trì triển khai, hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ, phê duyệt thực hiện cho vay đối với Người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại khoản 10, mục III Kế hoạch này.

b) Ngày 20 hàng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) về việc cho người sử dụng lao động vay trả tiền lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

8. Cục Thuế tỉnh:

a) Triển khai, chỉ đạo Chi cục thuế huyện, thành phố phối hợp thẩm định hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh được hỗ trợ tại khoản 9, mục III Kế hoạch này.

b) Ngày 20 hàng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

9. Các Sở, ban, ngành:

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ có liên quan; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19; chủ động phối hợp xử lý những vướng mắc phát sinh, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp các tổ chức thành viên, các ngành tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP; Quyết định số 23/2021/NĐ-CP và Kế hoạch này tới các tầng lớp nhân dân, chủ trì tổ chức các đoàn giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên địa bàn.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; Chỉ đạo các ngành, địa phương làm tốt công tác tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về chủ trương, các quy định về hỗ trợ cho người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 trên địa bàn; tránh tình trạng khiếu kiện, khiếu nại xảy ra.

b) Chỉ đạo việc rà soát, lập danh sách đối với các nhóm đối tượng theo quy định đảm bảo đúng đối tượng, không bị trùng lặp trong quá trình xét duyệt;

c) Chủ động thẩm định, trình UBND tỉnh (*qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 4, 5, 9; qua Sở Y tế phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 7 mục III Kế hoạch*).

d) Ngày 20 hằng tháng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

e) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng tại địa phương theo quy định. Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương để tổ chức thực hiện. Trường hợp có khó khăn về nguồn ngân sách báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Yêu cầu Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Thủ trưởng các đơn vị, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ, tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH (NT60b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Toàn